

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ
CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN LÀO CAI**
(Tiền thân là Công ty TNHH Gia Long)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 14

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (tiền thân là Công ty TNHH Gia Long) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty đã điều hành Công ty đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Đức Thanh	Chủ tịch
Bà Lưu Thị Thanh Mai	Thành viên
Ông Bùi Văn Dũng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Bùi Đức Thanh	Giám đốc
Ông Triệu Văn Hới	Phó Giám đốc
Ông Hoàng Quốc Anh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính từ trang 3 đến trang 14, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Bùi Đức Thanh

Giám đốc

Lào Cai, ngày 14 tháng 02 năm 2011

Số. /BCKT 2010-2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với các Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc ở trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính từ trang 3 đến trang 14. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam, và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chu Quang Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1022/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International
Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2011

Nguyễn Hoàng Dũng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1106/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		31.750.006.034	11.204.973.049
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.870.537.588	105.236.514
1. Tiền	111	5	2.870.537.588	105.236.514
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Phải thu ngắn hạn	130		18.114.024.171	2.217.326.356
1. Phải thu khách hàng	131		5.958.506.742	1.399.753.371
2. Trả trước cho người bán	132		11.821.090.544	806.410.408
5. Các khoản phải thu khác	135		334.426.885	11.162.577
IV. Hàng tồn kho	140	6	10.222.444.275	8.729.041.816
1. Hàng tồn kho	141		10.222.444.275	8.729.041.816
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		543.000.000	153.368.363
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	153.368.363
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	543.000.000	-
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		57.013.605.940	7.765.066.252
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		54.964.387.029	6.811.955.211
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	54.964.387.029	6.811.955.211
- Nguyên giá	222		59.873.544.245	9.801.293.245
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.909.157.216)	(2.989.338.034)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		490.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	9	490.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.559.218.911	953.111.041
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.559.218.911	953.111.041
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		88.763.611.974	18.970.039.301

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		741.677.252	16.925.057.948
I. Nợ ngắn hạn	310		741.677.252	16.925.057.948
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	16.754.000.000
2. Phải trả người bán	312		-	171.057.948
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	741.499.252	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		178.000	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		88.021.934.722	2.044.981.353
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	12	88.021.934.722	2.044.981.353
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.680.000.000	2.158.299.000
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.341.934.722	(113.317.647)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		88.763.611.974	18.970.039.301

Bùi Đức Thanh
Giám đốc
Lào Cai, ngày 14 tháng 02 năm 2011

Nguyễn Thị Hoa
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

MẪU B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	6.613.636.364	2.012.850.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		6.613.636.364	2.012.850.000
4. Giá vốn hàng bán	11	14	2.863.144.694	1.520.803.877
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		3.750.491.670	492.046.123
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	1.243.100	174.821.777
7. Chi phí tài chính	22		-	252.000
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.036.267.432	447.371.441
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		2.715.467.338	219.244.459
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.715.467.338	219.244.459
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	16	260.214.969	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.455.252.369	219.244.459
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

Bùi Đức Thanh

Giám đốc

Lào Cai, ngày 14 tháng 02 năm 2011

Nguyễn Thị Hoa

Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		2.715.467.338	219.244.459
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2		1.919.819.182	1.156.361.001
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		4.635.286.520	1.375.605.460
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(15.666.941.882)	(1.304.342.482)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.493.402.459)	82.279.504
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(310.226.335)	-
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(606.107.870)	301.130.101
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(13.441.392.026)	454.672.583
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(14.000.000)	(768.720.000)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(490.000.000)	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.243.100	174.821.777
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(502.756.900)	(593.898.223)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu (*)	31		33.463.450.000	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	820.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(16.754.000.000)	(600.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		16.709.450.000	220.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		2.765.301.074	80.774.360
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		105.236.514	24.462.154
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		2.870.537.588	105.236.514

(*) Phần vốn tăng lên trong kỳ là: 83.521.701.000 đồng, trong đó tăng vốn bằng tiền là: 33.463.450.000 đồng, tăng vốn bằng tài sản là 50.058.251.000 đồng

Bùi Đức Thanh
Giám đốc

Lào Cai, ngày 14 tháng 02 năm 2011

Nguyễn Thị Hoa
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH Gia Long là Công ty TNHH có hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: 1202000192 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp Đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 09 năm 2002, ngày 4 tháng 01 năm 2011, Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 5300208618 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp với vốn Điều lệ là 85.680.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Khai thác, chế biến, kinh doanh quặng kim loại đen, kim loại màu; Mua bán máy móc, thiết bị phụ tùng thay thế; Tư vấn các hoạt động hỗ trợ khai thác khoáng sản; Mua bán, sản xuất vật liệu xây dựng; Mua bán, xuất nhập khẩu dầu thô, than và các sản phẩm của chúng; Mua bán hóa chất, vật tư phân bón phục vụ cho công nghiệp, nông nghiệp.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8
Tài sản cố định hữu hình khác	5 - 10

Chi phí xây dựng dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi đầu tư để hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi được bàn giao đưa vào sử dụng.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ xuất phục vụ sản xuất kinh doanh và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng và các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo Quyết định số 3196/QĐ.CT ngày 08 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Lào Cai, Công ty được áp dụng thuế suất 20% đối với thuế Thu nhập Doanh nghiệp, được miễn 02 năm và giảm 50% số thuế Thu nhập Doanh nghiệp phải nộp trong thời hạn 02 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền mặt	2.746.225.007	97.923.033
Tiền gửi ngân hàng	124.312.581	7.313.481
Cộng	2.870.537.588	105.236.514

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Nguyên liệu vật liệu	1.136.420.045	875.212.260
Công cụ, dụng cụ	712.326.530	514.231.650
Hàng hóa	8.373.697.700	7.339.597.906
Cộng	10.222.444.275	8.729.041.816

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tạm ứng	543.000.000	-
Cộng	543.000.000	-

8. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 31/12/2009	5.543.519.032	3.088.077.635	1.040.295.578	129.401.000	9.801.293.245
Tăng trong năm	44.906.251.000	5.152.000.000	-	14.000.000	50.072.251.000
Mua trong năm	-	-	-	14.000.000	14.000.000
Tăng khác (*)	44.906.251.000	5.152.000.000	-	-	50.058.251.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2010	50.449.770.032	8.240.077.635	1.040.295.578	143.401.000	59.873.544.245
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 31/12/2009	1.240.059.600	1.155.781.424	523.679.240	69.817.770	2.989.338.034
Tăng trong năm	831.686.160	788.751.895	271.892.317	27.488.810	1.919.819.182
Khấu hao trong năm	831.686.160	788.751.895	271.892.317	27.488.810	1.919.819.182
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2010	2.071.745.760	1.944.533.319	795.571.557	97.306.580	4.909.157.216
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 31/12/2009	4.303.459.432	1.932.296.211	516.616.338	59.583.230	6.811.955.211
Tại 31/12/2010	48.378.024.272	6.295.544.316	244.724.021	46.094.420	54.964.387.029

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***8. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)**

(*) - Góp vốn bằng tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc (các công trình phục vụ việc khai thác mỏ), tổng giá trị là: 44.906.251.000 theo Chứng thư Thẩm định giá số Vc 10/02/01/CCTT – HN ngày 10 tháng 02 năm 2010 của Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam.

- Góp vốn bằng giá trị tài sản là máy móc, thiết bị tổng giá trị là 5.152.000.000 đồng theo Chứng thư Thẩm định giá số Vc 10/12/75/CCTT – HN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam.

9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT LIÊN DOANH

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết (*)	490.000.000	-
Cộng	490.000.000	-

(*) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình (vốn điều lệ là 1 tỷ đồng). Tổng giá trị đầu tư là 490.000.000 đồng, chiếm 49% vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.559.218.911	953.111.041
Cộng	1.559.218.911	953.111.041

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	481.284.283	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	260.214.969	-
Cộng	741.499.252	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***12. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2008	2.158.299.000	(332.562.106)	1.825.736.894
Tăng trong năm	-	219.244.459	219.244.459
- Lãi	-	219.244.459	219.244.459
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2009	2.158.299.000	(113.317.647)	2.044.981.353
Tại ngày 31/12/2009	2.158.299.000	(113.317.647)	2.044.981.353
Tăng trong năm	83.521.701.000	2.455.252.369	85.976.953.369
- Tăng vốn (*)	83.521.701.000	-	83.521.701.000
- Lãi	-	2.455.252.369	2.455.252.369
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2010	85.680.000.000	2.341.934.722	88.021.934.722

(*) Phần vốn tăng thêm do Ông Bùi Đức Thanh góp thêm vốn trong kỳ, chi tiết góp vốn gồm:

- Góp bằng tiền, tổng số tiền là: 33.463.450.000 đồng.

- Góp bằng tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc (các công trình phục vụ việc khai thác mỏ), tổng giá trị là: 44.906.251.000 theo Chứng thư Thẩm định giá số Vc 10/02/01/CCTT – HN ngày 10 tháng 02 năm 2010 của Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam.

- Góp bằng giá trị tài sản là máy móc, thiết bị tổng giá trị là 5.152.000.000 đồng theo Chứng thư Thẩm định giá số Vc 10/12/75/CCTT – HN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam.

(*) Ngày 4 tháng 01 năm 2011, Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 5300208618 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp với vốn Điều lệ là 85.680.000.000 đồng.

Chi tiết vốn góp chủ sở hữu

Tên thành viên	Số vốn góp	
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Bùi Đức Thanh	45.680.000.000	53,5
Bà Lưu Thị Thanh Mai	20.000.000.000	23,3
Ông Bùi Văn Dũng	10.000.000.000	11,6
Bà Phạm Thị Hoài Thương	5.000.000.000	5,8
Bà Bùi Thị Hồng Nhung	5.000.000.000	5,8
Cộng	85.680.000.000	100

13. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán hàng hóa	6.613.636.364	2.012.850.000
Cộng	6.613.636.364	2.012.850.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn bán hàng hóa	2.863.144.694	1.520.803.877
Cộng	2.863.144.694	1.520.803.877

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.243.100	174.821.777
Cộng	1.243.100	174.821.777

16. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2010 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại	
Lợi nhuận trước thuế	2.715.467.338
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(113.317.647)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-
Lỗ năm trước chuyển sang	113.317.647
Thu nhập chịu thuế (I)	2.602.149.691
Thuế suất áp dụng	20%
Thuế TNDN chưa được miễn giảm	520.429.938
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm (*) (II) (II=I*20%*50%)	260.214.969
Thuế thu nhập doanh nghiệp	260.214.969
Thuế thu nhập hoãn lại	-
Cộng thuế thu nhập doanh nghiệp	260.214.969

(*) Theo Quyết định số 3196/QĐ.CT ngày 08 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Lào Cai, Công ty được áp dụng thuế suất 20% đối với thuế TNDN, Công ty được miễn 02 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong thời hạn 02 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

17. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Công ty không có khoản cam kết thuê hoạt động nào tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2010.

18. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào khác cần điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

19. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 4 tháng 01 năm 2011, Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 5300208618 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp với vốn Điều lệ là 85.680.000.000 đồng.

20. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Tư vấn tài chính.

Bùi Đức Thanh

Giám đốc

Lào Cai, ngày 14 tháng 02 năm 2011

Nguyễn Thị Hoa

Kế toán trưởng